

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TÂN TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh phúc

Số : 10../THTT

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI TÀI CHÍNH QUÝ 01/2021

Thời gian: 08 giờ ngày 08/04/2021

Địa điểm : Phòng hội đồng Trường Tiểu Học Tân Tạo.

Thành phần tham dự gồm có :

- 1 / Bà Phạm Thị Đoàn Trang , Hiệu trưởng;
- 2 / Ông Nguyễn Đức Thái, Chủ Tịch Công Đoàn;
- 3/ Bà Đỗ Thị Kim Cúc, Thanh Tra Nhân Dân;
- 4/ Bà Nguyễn Thị Hồng Trinh, Thư Ký hội đồng - ghi biên bản
- 5/ Bà Bùi Thị Thu Nga, kế toán.

I.NỘI DUNG

Lập biên bản niêm yết công khai thu – chi tài chính quý 01/2021 (đính kèm 4 biểu mẫu)

I.HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI:

Thực hiện niêm yết tại bản tin nhà trường (90 ngày) từ 08/04/2021 đến 08/07/2021, (đính kèm 4 biểu mẫu)

Công khai biên bản trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm toàn trường.

Công khai trên trang Web của Trường, (đính kèm 4 biểu mẫu)

Biên bản được thông qua cho các thành viên cùng nghe, thống nhất 100% nội dung ghi trong biên bản. Biên bản kết thúc vào lúc 08 giờ 30 phút cùng ngày.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Đoàn Trang



CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

Nguyễn Đức Thái

THANH TRA NHÂN DÂN

Đỗ Thị Kim Cúc

THƯ KÝ GHI BIÊN BẢN

Nguyễn Thị Hồng Trinh

KẾ TOÁN

Bùi Thị Thu Nga

Mã chương: 622

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN TẠO

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

QUÝ I NĂM 2021

Mã nguồn NS	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
				Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072			145.500.000	145.500.000	168.428.280	145.500.000	145.500.000				22.928.280
13	072		12.175.238.000	12.175.238.000	12.175.238.000	12.198.787.668	1.876.868.281	1.876.868.281				10.321.919.387
14	072		3.979.195.000	3.979.195.000	3.979.195.000	6.345.059.091	410.888.565	410.888.565				5.934.170.526
Cộng:			16.154.433.000	16.299.933.000	16.299.933.000	18.712.275.039	2.433.256.846	2.433.256.846	0	0	0	16.279.018.193

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Nga

Ngày 08 tháng 04 năm 2021

Thư trưởng đơn vị



Phạm Thị Doan Trang

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học Tân Tạo, Mã QHNS: 1004470

BÁO CÁO CÔNG KHAI THU - CHI - TÒN CÁC NGUỒN THU SỰ NGHIỆP QUÝ I NĂM 2021

STT	MÃ	NỘI DUNG	ĐÃ THU	ĐÃ CHI	TÒN CUỐI
1	0101	Học phí buổi hai	423.828.750	339.096.600	84.732.150
2	0102	Tiếng anh tăng cường	197.317.500	117.737.500	79.580.000
3	0103	Năng khiếu, tự chọn	75.987.750	41.580.000	34.407.750
5	0105	Thiết bị bán trú	0	0	0
6	0106	Phục vụ bán trú	683.851.000	648.741.301	35.109.699
7	0107	Vệ sinh bán trú	168.565.000	121.210.980	47.354.020
8	0108	Kỹ năng sống	381.378.000	40.000.000	341.378.000
9	0109	Tiếng anh bán ngữ	541.260.000	271.903.245	269.356.755
10	0110	TA tự chọn T7	122.212.500		122.212.500
11	0111	Tin học tăng cường T7	38.467.500		38.467.500
		TỔNG CỘNG	2.632.868.000	1.580.269.626	891.918.374

Số tiền chưa đóng thuế TNDN 2%, trích cải cách tiền lương 40% theo quy định, Trích khấu hao TSCĐ.

Kế toán



Bùi Thị Thu Nga



Phạm Thị Đoàn Trang

Đơn vị: Trường TH Tân Tạo

Mã QHVN: 1004470

BÁO CÁO TÀI CHÍNH THU - CHI TÒN CÁC NGUỒN CHI HỘ QUÝ 01/2020

STT	MÃ	NỘI DUNG	TÒN ĐẦU	THU	CHI	TÒN CUỐI	GHI CHÚ
1	THEBHYT	Thẻ BHYT học sinh	49.224.800	29.709.855	50.689.800	28.244.855	Còn nợ chưa kịp chuyển
2	THAISAN	Thai sản - Dưỡng sức	9.989.000	0	0	9.989.000	Còn nợ chưa kịp chuyển
3	CSSKBD	Chăm sóc SKBD HS	99.807.896	97.657.697	0	197.465.593	
4	GIAYTHI	GIAY THI	38.531.180	567.000	17.991.600	21.106.580	Còn nợ chưa kịp chuyển
5	AN	Ấn, nước uống HS	1.643.419.550	2.607.739.000	2.743.734.641	1.507.423.909	Còn nợ chưa kịp chuyển
6	SLLDT	Sổ liên lạc điện tử	189.767.846	143.883.750	188.021.356	145.630.240	Còn nợ chưa kịp chuyển
7	THULAO	Thủ Lao Thẻ BHYTHS	8.331.453	20.312.137	28.643.590	0	
8	LAI	LÃI NH CHI HỘ	6.606.231	1.192.300	1041180	6.757.351	Còn nợ chưa kịp chuyển
9	PHUHIU	Phù Hiệu	28.976.499	990.000	28.417.000	1.549.499	Còn nợ chưa kịp chuyển
10	BHTN	Bảo hiểm tai nạn học sinh	1.435.996	2.430.000	0	3.865.996	Còn nợ chưa kịp chuyển
11	HINH	HÌNH THE	50.757.001	1.056.000	50161000	1.652.001	Còn nợ chưa kịp chuyển
12	BOITHUONG	Giữ hộ - Chi hộ	42.335.102	0	0	42.335.102	Còn nợ chưa kịp chuyển
13	GIUHO	Giữ hộ - Chi hộ	300.000	0	0	300.000	Còn nợ chưa kịp chuyển
14	DIEN	THU HỘ TIỀN ĐIỆN	22.857.669	28704500	41452058	10.110.111	Còn nợ chưa kịp chuyển
15	NUOC	THU HỘ TIỀN NƯỚC SH	17.503.000	0	2.586.235	14.916.765	Còn nợ chưa kịp chuyển
16	CHIHOPGD	CHI HỘ PHÒNG GD	0	26.900.000	26.900.000	0	
17	SUA	SỬA HỌC ĐƯỜNG		68.085.500	71.383.950	-3.298.450	HS chưa nộp
			2.209.843.223	3.029.227.739	3.251.022.410	1.988.048.552	

KẾ TOÁN (LẬP BẢNG)



Bùi Thị Thu Nga

Ngày 08 tháng 04 năm 2021

TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN TẠO



Phạm Thị Đoàn Trang

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN TẠO

Chương: 622

Bình Tân, ngày 08 tháng 04 Năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường TH Tân Tạo công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I/2021 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 1	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Học phí	9.963	2.633	26%	184%
1.2	Thu sự nghiệp	1.856	423,8	23%	186%
1	Buổi 2	702	197,3	28%	157%
2	TA tăng cường	216	75,9	35%	158%
3	Năng khiếu	281		%	%
4	Trang thiết bị BT	2.970	683,8	23%	129%
5	Tổ chức bán trú	743	168,6	23%	185%
6	Vệ sinh bán trú	540	381,4	71%	344%
7	Kỹ năng sống	2.376	541,2	23%	185%
8	Tiếng anh bán ngữ	175	122,2	70%	100%
9	Tiếng anh tự chọn	105	38,4	37%	100%
10	Tin học tăng cường	9.963	1.580	16%	212%
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	9.963	1.580	16%	212%
2.1	Chi sự nghiệp	9.963	1.580	16%	212%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.963	339,0	18%	361%
1	Buổi 2	1.856	117,7	17%	226%
2	TA tăng cường	702	41,5	19%	208%
3	Năng khiếu	216	0,0	%	%
4	Trang thiết bị BT	281	648,7	22%	165%
5	Tổ chức bán trú	2.970	121,2	16%	173%
6	Vệ sinh bán trú	743	40,0	7%	222%
7	Kỹ năng sống	540	271,9	11%	283%
8	Tiếng anh bán ngữ	2.376			%
9	Tiếng anh tự chọn	175			%
10	Tin học tăng cường	105			
b	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
3.2	Phí				
	Phí A				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				

1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3a	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
	Thu sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	18.712			104%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	12198,5			105%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 14) NQ 03 + CCTL + Tồn mang sang	6344,8			103%
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12) - sửa HĐ + Tồn mang sang	22,9			60%
3.4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12) - Tết nguyên đán 2021	145,5			108%
3b	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		2.433	13%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)		1876,8	15%	93%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 14) NQ 03 + CCTL + Tồn mang sang		410,8	6%	100%
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12) - sửa HĐ + Tồn mang sang			%	100%
3.4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12) - Tết nguyên đán 2021		145,5	100%	108%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Lập bảng



Bùi Thị Thu Nga



Ngày 08 tháng 04 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thị Đoàn Trang